

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG HSV
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG HSV

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HSV TELECOMMUNICATION SERVICE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HSV INVEST.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107280751

3. Ngày thành lập: 06/01/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5/447, đường Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0163 904 6899

Fax:

Email: hsv.jsc@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

2.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất hộp và can để đựng thức ăn, ống và hộp gập lại được; - Sản xuất các chi tiết kim loại gia dụng như : Đồ dẹt: đĩa nông lòng..., đồ nấu như: nồi, ấm..., đồ ăn như: bát, đĩa..., chảo, chảo rán và các đồ nấu không có điện để sử dụng trên bàn hoặc trong bếp, các thiết bị cầm tay nhỏ, miếng đệm làm sạch kim loại; - Sản xuất chậu tắm, chậu giặt và các đồ tương tự. - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đặc; - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt... - Sản xuất túi đựng nữ trang; - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như : Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: dây gai, dây rào dậu, vĩ, lưới, vải... - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như : Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo; - Sản xuất xích, trừ xích dẫn năng lượng; - Sản xuất các chi tiết kim loại khác như : + Sản xuất chân vịt tàu và cánh, + Mỏ neo , + Chuông, + Đường ray tàu hỏa, + Móc gài, khoá, bản lề. - Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại; - Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại; - Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại; - Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược.	2599
3.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
4.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
5.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
6.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640

7.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
8.	Sản xuất đồng hồ	2652
9.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
10.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
11.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
12.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
13.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
14.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
15.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
16.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
17.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
18.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750

19.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: - Sản xuất sạc ắc quy ở trạng thái rắn; - Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện; - Sản xuất chuông điện; - Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện; - Sản xuất máy làm sạch siêu âm (trừ thí nghiệm và nha khoa); - Sản xuất máy đổi điện trạng thái rắn, máy đổi điện, pin nhiên liệu, cung cấp năng lượng điều chỉnh và không điều chỉnh, cung cấp năng lượng liên tục; - Sản xuất máy cung cấp năng lượng liên tục (UPS); - Sản xuất máy triệt sự trào; - Sản xuất dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện; - Sản xuất điện cực cacbon và graphit, kết nối, các sản phẩm cacbon và graphit điện khác; - Sản xuất máy thực hành gia tốc; - Sản xuất tụ điện, điện trở, và các thiết bị tương tự, máy gia tốc; - Sản xuất súng cầm tay hàn sắt; - Sản xuất nam châm điện; - Sản xuất còi báo động; - Sản xuất bảng ghi tỉ số điện tử; - Sản xuất các thiết bị tín hiệu như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu bộ hành; - Sản xuất vật cách điện (trừ bằng thủy tinh và sứ), dây cáp kim loại cơ bản; - Sản xuất các thiết bị và cấu kiện điện dùng trong các động cơ đốt trong; - Sản xuất các thiết bị hàn điện, bao gồm máy hàn thép cầm tay.	2790
20.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
21.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
22.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
23.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
24.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
25.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
26.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
27.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818

28.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: - Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu; - Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ, dùng cho cả mô tô; - Sản xuất quạt không dùng cho gia đình; - Sản xuất máy cân dùng trong gia đình như : cân hành lý, cân cầu đường, cân khác... - Sản xuất máy lọc và máy tinh chế, máy móc cho hoá lỏng; - Sản xuất thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoặc bột như: Súng phun, bình cứu hoả, máy phun luồng cát, máy làm sạch hơi... - Sản xuất máy đóng gói như : Làm đầy, đóng, dán, đóng bao và máy dán nhãn... - Sản xuất máy làm sạch hoặc sấy khô chai cho sản xuất đồ uống; - Sản xuất thiết bị chưng cất và tinh cất cho tinh chế dầu, hoá chất công nghiệp, công nghiệp đồ uống. - Sản xuất máy đổi nóng; - Sản xuất máy hoá lỏng khí và gas; - Sản xuất máy cung cấp gas; - Sản xuất máy cán láng hoặc máy cuộn và trục lăn (trừ cho kim loại và thuỷ tinh); - Sản xuất máy ly tâm (trừ máy tách kem và sấy khô quần áo); - Sản xuất miếng đệm và miếng hàn tương tự được làm từ kim loại hỗn hợp hoặc lớp kim loại đó; - Sản xuất máy bán hàng tự động; - Sản xuất các bộ phận cho máy có những mục đích chung; - Sản xuất quạt thông gió (quạt đầu hồi, quạt mái); - Sản xuất dụng cụ đo, máy cầm tay tương tự, dụng cụ cơ khí chính xác (trừ quang học); - Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện.	2819
29.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
30.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
31.	Sản xuất máy luyện kim	2823
32.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
33.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
34.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
35.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
36.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
37.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
38.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
39.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211

40.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
41.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
42.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
43.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
44.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
45.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
46.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
47.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
48.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
49.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp (ví dụ giấy cát); - Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thừng... - Sản xuất các nguyên liệu mài và các đồ không lắp khung của các sản phẩm đó với nguyên liệu khoáng hoặc xen lu lô; - Sản xuất vật liệu cách âm khoáng như: Sản xuất len xỉ, len đá, len khoáng tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thẩm âm; - Sản xuất các sản phẩm từ khoáng khác như: Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì (không phải sản phẩm điện); - Sản xuất các sản phẩm từ asphalt và nguyên liệu tương tự, ví dụ chất dính asphalt, xỉ than; - Sợi các bon và graphit và các sản phẩm từ sợi các bon (trừ các thiết bị điện).	2399
50.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
51.	Đúc sắt, thép	2431
52.	Đúc kim loại màu	2432
53.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
54.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
55.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
56.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
57.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
58.	Trồng cây lấy sợi	0116
59.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
60.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
61.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Các hoạt động trồng cây thức ăn gia súc như: trồng ngô cây, trồng cỏ và quy hoạch, chăm sóc đồng cỏ tự nhiên; thả bèo nuôi lợn; trồng cây làm phân xanh (muồng muồng);	0119

62.	Trồng cây ăn quả	0121
63.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
64.	Trồng cây điều	0123
65.	Trồng cây hồ tiêu	0124
66.	Trồng cây cao su	0125
67.	Trồng cây cà phê	0126
68.	Trồng cây chè	0127
69.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
70.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
71.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
72.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
73.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
74.	Chăn nuôi lợn	0145
75.	Chăn nuôi gia cầm	0146
76.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng; - Nuôi ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi.	0149
77.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
78.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
79.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
80.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
81.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
82.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
83.	Khai thác gỗ	0221
84.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
85.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
86.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
87.	Khai thác thủy sản biển	0311
88.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
89.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
90.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
91.	Sản xuất giống thủy sản	0323
92.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
93.	Khai thác và thu gom than non	0520
94.	Khai thác dầu thô	0610

95.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
96.	Khai thác quặng sắt	0710
97.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
98.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
99.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
100.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
101.	Khai thác muối	0893
102.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
103.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
104.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
105.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
106.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	1020
107.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
108.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
109.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
110.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
111.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
112.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
113.	Sản xuất đường	1072
114.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
115.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
116.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

117.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Rang và lọc cà phê; - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; - Sản xuất các chất thay thế cà phê; - Trộn chè và chất phụ gia; - Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; - Sản xuất súp và nước xuyết; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc; - Sản xuất giấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza. Nhóm này cũng gồm: - Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo.	1079
118.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	1080
119.	Sản xuất rượu vang	1102
120.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
121.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
122.	Sản xuất sợi	1311
123.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
124.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
125.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
126.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
127.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
128.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324

129.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính, - Sản xuất nhãn hiệu, băng rôn... - Sản xuất đồ tía trang trí: vải viền, quả tua, - Sản xuất nỉ, - Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viên đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí, - Sản xuất tấm dệt được tẩm, được phủ hoặc tráng nhựa, - Sản xuất sợi kim loại hoá hoặc dây thừng và dây cao su có lớp nguyên liệu dệt phủ ngoài, sợi dệt được tráng, phủ hoặc bọc bằng cao su hoặc nhựa, - Sản xuất vải bố làm lớp xe bằng sợi nhân tạo có độ bền cao, - Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi săn, vải buồm, lều bạt, vải dùng cho hoạ sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng... - Sản xuất các sản phẩm dệt khác: bắc đèn, mạng đèn măng sông, - Sản xuất bắc đèn măng sông, ống phun nước, băng chuyền, băng tải (bất kể chúng được tăng cường bằng kim loại hoặc vật chất khác hay không), quần áo biến dạng, - Sản xuất vải lót máy móc, - Sản xuất vải quần áo dễ co giãn, - Sản xuất vải dùng vẽ tranh sơn dầu và vải vẽ kỹ thuật, - Sản xuất dây giày, - Sản xuất bông đánh phấn và găng tay.	1329
130.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
131.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
132.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
133.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
134.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
135.	Sản xuất giày dép	1520
136.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
137.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
138.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
139.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
140.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
141.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
142.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702

143.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo như: + Giấy vệ sinh. + Khăn ăn, giấy ăn, khăn lau, + Băng vệ sinh và khăn lau vệ sinh, tã giấy cho trẻ sơ sinh, + Cốc, chén đĩa, khay bằng giấy. - Sản xuất các đồ dẹt chèn lót và sản phẩm chèn lót như: giấy vệ sinh, băng vệ sinh; - Sản xuất giấy viết, giấy in; - Sản xuất giấy in cho máy vi tính; - Sản xuất giấy tự copy khác; - Sản xuất giấy nền và giấy than; - Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính; - Sản xuất phong bì, bưu thiếp; - Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại; - Sản xuất hộp, túi, túi dết, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn phòng phẩm bằng giấy; - Sản xuất giấy dán tường và giấy phủ tường tương tự bao gồm giấy có phủ chất dẻo và giấy dán tường có sợi dẹt; - Sản xuất nhãn hiệu; - Sản xuất giấy lọc và bìa giấy; - Sản xuất ống chỉ, suốt chỉ bằng giấy và bìa giấy; - Sản xuất khay đựng trứng và các sản phẩm đóng gói khác được đúc sẵn; - Sản xuất giấy mới từ giấy phế thải; - Sản xuất vàng mã các loại.	1709
144.	In ấn	1811
145.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
146.	Sao chép bản ghi các loại	1820
147.	Sản xuất than cốc	1910
148.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
149.	Vận tải đường ống	4940
150.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
151.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
152.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
153.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
154.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
155.	Bốc xếp hàng hóa	5224
156.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
157.	Bưu chính	5310

158.	Chuyển phát	5320
159.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
160.	Cơ sở lưu trú khác	5590
161.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
162.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
163.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
164.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
165.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;	4719
166.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
167.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
168.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
169.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
170.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
171.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
172.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
173.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
174.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
175.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
176.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất trang trí, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

177.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
178.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
179.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
180.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
181.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
182.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
183.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
184.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
185.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
186.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
187.	Xuất bản phần mềm	5820
188.	Lập trình máy vi tính	6201
189.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
190.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
191.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

192.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng - Sản xuất máy làm bột giấy; - Sản xuất máy làm giấy và giấy bìa; - Sản xuất máy sấy gỗ, bột giấy, giấy và giấy bìa; - Sản xuất máy sản xuất các sản phẩm từ giấy và giấy bìa; - Sản xuất máy làm cao su mềm hoặc nhựa hoặc cho sản xuất sản phẩm của những nguyên liệu này như: Máy đẩy, đúc, bơm hơi lốp hoặc máy đập lại lốp xe và các máy khác cho việc làm sản phẩm nhựa hoặc cao su đặc biệt; - Sản xuất máy in và máy đóng sách và máy cho hoạt động hỗ trợ in, bao gồm máy cho in dệt và các nguyên liệu khác; - Sản xuất máy sản xuất chất bán dẫn; - Sản xuất người máy công nghiệp cho các mục đích khác nhau; - Sản xuất máy và thiết bị biến đổi khác nhau như: + Sản xuất đèn điện, ống (van) hoặc bóng đèn, + Sản xuất sản phẩm hoặc thủy tinh chịu nóng, sợi thủy tinh, + Sản xuất máy móc cho việc tách chất đồng vị. - Sản xuất thiết bị liên kết và cân bằng lốp xe; thiết bị cân bằng khác; - Sản xuất hệ thống bôi trơn trung tâm; - Sản xuất thiết bị hạ cánh máy bay, máy phóng máy bay vận tải và thiết bị liên quan; - Sản xuất giường thuộc da; - Sản xuất thiết bị phát bóng tự động (ví dụ thiết bị đặt pin); - Sản xuất thiết bị tập bắn, bơi lội và các thiết bị giải trí khác.	2829
193.	Sản xuất xe có động cơ	2910
194.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
195.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
196.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
197.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
198.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
199.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
200.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
201.	Sản xuất nhạc cụ	3220
202.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
203.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
204.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250

205.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như : + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, + Sản xuất phao cứu sinh, + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao), + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy), + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác, + Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn), + Sản xuất mặt nạ khí ga. - Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác... - Sản xuất bàn chải giày, quần áo; - Sản xuất bút và bút chì các loại bằng cơ khí hoặc không; - Sản xuất lõi bút chì; - Sản xuất tem ghi số, tem gắn, ghi ngày, các thiết bị in ấn điều khiển bằng tay hoặc các tem rập nổi, các thiết bị in bằng tay, lõi mực in và ribbon máy tính; - Sản xuất găng tay; - Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; - Sản xuất các nút, khóa ấn, khoá móc, khoá trượt; - Sản xuất tàu hút xì gà; - Sản xuất các sản phẩm cho con người: tàu hút, lược, bình xịt nước hoa, lọ chân không và các bình chân không khác dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, bút kẻ lông mày; - Sản xuất các sản phẩm khác: nệm, dây nệm và các thứ tương tự; hoa giả, vòng hoa, giỏ hoa, hoa nhân tạo, lá quả, vật lạ, vật gây cười, sàng, sậy, manơ canh, quan tài... - Hoạt động nhồi bông thú.	3290
206.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
207.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
208.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
209.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
210.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
211.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
212.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
213.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
214.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

215.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
216.	Thu gom rác thải độc hại	3812
217.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
218.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
219.	Tái chế phế liệu	3830
220.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
221.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
222.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
223.	Xây dựng công trình công ích	4220
224.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
225.	Phá dỡ	4311
226.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
227.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
228.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
229.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
230.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
231.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, + Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
232.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
233.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
234.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
235.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

236.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
237.	Bán mô tô, xe máy	4541
238.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
239.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
240.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; - Môi giới thương mại;	4610
241.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
242.	Bán buôn gạo	4631
243.	Bán buôn thực phẩm	4632
244.	Bán buôn đồ uống	4633
245.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
246.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
247.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
248.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
249.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
250.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
251.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659

252.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
253.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
254.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
255.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
256.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
257.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932
258.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
259.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
260.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
261.	Giáo dục mầm non	8510
262.	Giáo dục tiểu học	8520
263.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
264.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
265.	Đào tạo cao đẳng	8541
266.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
267.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
268.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
269.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
270.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
271.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312

272.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
273.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
274.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
275.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
276.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
277.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
278.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
279.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
280.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
281.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
282.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
283.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
284.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
285.	Quảng cáo	7310
286.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

287.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Kiểm định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, dự thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; - Tư vấn các công việc quản lý chi phí các công trình chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật; - Lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện, loại công trình dân dụng, công nghiệp; - Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; - Tổ chức quản lý chi phí xây dựng hạng 2; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện: công trình giao thông (đường bộ) đến cấp 2; - Giám sát công tác lắp đặt hệ thống thiết bị điều hòa không khí trong công trình; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu đường; - Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; - Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi; - Thiết kế lắp đặt hệ thống thiết bị điện công trình dân dụng và công nghiệp; - Thiết kế lắp đặt hệ thống thiết bị điện công trình đường dây và TBA đến 35KV; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình đường dây và TBA đến 110KV; - Giám sát công tác lắp đặt hệ thống thiết bị điều hòa không khí trong công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng và công nghiệp;	7410
288.	Cho thuê xe có động cơ	7710
289.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
290.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
291.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);	7730
292.	Đại lý du lịch	7911
293.	Điều hành tua du lịch	7912
294.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
295.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
296.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
297.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

298.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
299.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
300.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
301.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN QUANG HUY	F12, tổ 57, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.000.000	20.000.000.000	40	012087354	
			Tổng số	2.000.000	20.000.000.000	40		
2	NGUYỄN NGỌC DƯƠNG	Số 22, ngõ 224 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.500.000	15.000.000.000	30	001074001653	
			Tổng số	1.500.000	15.000.000.000	30		
3	DƯƠNG QUỐC HÙNG	Khu 6, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.500.000	15.000.000.000	30	125518295	
			Tổng số	1.500.000	15.000.000.000	30		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN QUANG HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc*

Ngày sinh: 30/08/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012087354

Ngày cấp: 26/02/2011

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

F12, tổ 57, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

F12, tổ 57, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội